

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 7 năm 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thu Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Chi

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang:** Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 08/7/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39a/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

**- Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2021 và ý kiến trình bày của nguyên đơn anh Trịnh Văn H trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2013 anh có kết hôn với chị Nguyễn Thị M, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới anh chị được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và có được tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại gia đình nhà anh ở phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu tình cảm vợ

cHng hòa thuận hạnh phúc. Đến đầu năm 2020 thì vợ cHng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu của mâu thuẫn là về kinh tế, do anh là người khuyết tật không đủ khả năng lao động để kiếm tiền lo cho cuộc sống của vợ cHng và các con nên vợ cHng bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Bản thân anh cũng đã tâm sự với chị M về việc anh bị hạn chế trong khả năng lao động để chị M thông cảm cùng chia sẻ với anh trong cuộc sống nH1 chị M không thông cảm, mâu thuẫn của vợ cHng ngày càng tăng không thể tiếp tục chung sống và vợ cHng đã sống ly thân. Do vậy, chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 12/2020 đến nay và để lại hai con chung của vợ cHng cho anh nuôi dưỡng. Trong thời gian sống ly thân cuộc sống vợ cHng của ai người đấy lo không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ cHng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị M có 02 con chung là Trịnh Gia K, sinh ngày 28/10/2013 và Trịnh Gia H1, sinh ngày 19/11/2016. Hiện nay cả 02 cháu đang ở với anh. Khi ly hôn, nếu chị M không nuôi con anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu. Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện anh H không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nH1 trong quá trình giải quyết anh H trình bày anh là người khuyết tật không có khả năng lao động, kinh tế vẫn phụ thuộc vào bố mẹ nên anh yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/ 1 tháng/ 1 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

*Về tài sản chung, công nợ chung:* Không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại bản tự khai chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Trịnh Văn H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu, sau khi kết hôn chị về làm dâu nhà anh H ngay. Từ tháng 12/2020 vợ cHng thường xuyên mâu thuẫn do không hợp nhau, vợ cHng có nhiều bất đồng quan điểm, không bảo ban được nhau trong làm ăn phát triển kinh tế; vợ cHng đã ly thân từ đó cho tới nay, không ai còn quan tâm đến ai, hiện chị đi làm ăn xa thì thoảng mới về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Trại Mãn, xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nay xét thấy tình cảm vợ cHng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Trịnh Văn H đề nghị Tòa án xin ly hôn với chị, chị hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ cHng chị có 02 con chung là Trịnh Gia K, sinh ngày 28/10/2013 và Trịnh Gia H1, sinh ngày 19/11/2016, hiện cả hai cháu đang ở cùng anh H, ly hôn anh H xin nuôi cả hai cháu, không yêu cầu chị nuôi con, chị hoàn toàn nhất trí.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại biên bản xác minh ngày 17/6/2021 đại diện chính quyền địa phương tổ dân phố Đông Giang, phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang cung cấp: Anh H, chị M kết hôn năm 2013, đến khoảng tháng 12/2020 do mâu thuẫn vợ chồng nên chị M anh H đã sống ly thân. Trước khi vợ chồng sống ly thân anh H, chị M có bán hàng nh1 từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay anh H không có công ăn việc làm sống phụ thuộc nhiều vào bố mẹ đẻ. Hiện nay chị M đi làm ăn và thường xuyên không có mặt tại địa phương.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2021, cháu Trịnh Gia K, sinh ngày 28/10/2013 trình bày: Hiện nay cháu đang ở với anh H. Khi bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với anh H vì cháu thấy anh H có đủ điều kiện để nuôi cháu.

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo hòa giải và các văn bản giấy tờ khác cho chị M theo quy định pháp luật.

- Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nh1 chị M vắng mặt. Chị M trình bày do chị đi làm ăn xa, thi thoảng mới về nhà bố mẹ đẻ và đang trong thời gian dịch Covid – 19 nên chị không thể tham gia các buổi làm việc tại Tòa án được. Chị M đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt chị.

- Ngày 24/6/2021 Tòa án đã mở phiên tòa nh1 chị Nguyễn Thị M vắng mặt lần thứ nhất, Tòa án đã phải hoãn phiên tòa.

- Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Trịnh Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị giao cho anh H, chị M mỗi người nuôi một con chung của vợ chồng. Về cấp dưỡng nuôi con anh H không đề nghị Tòa án giải quyết. Bị đơn là chị Nguyễn Thị M đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Văn H và xử cho anh H được ly hôn chị Nguyễn Thị M. Về con chung: Giao cháu Trịnh Gia K, sinh ngày 28/10/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trịnh Gia H1, sinh ngày 19/11/2016 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: anh H, chị M xác định không

có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Trịnh Văn H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” phải giải quyết trong vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Trịnh Văn H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng anh; đối với bị đơn chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa và đề nghị xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ hôn nhân và gia đình của các đương sự được xác lập năm 2013, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Ý kiến trình bày của nguyên đơn là anh chị tự nguyện kết hôn, có giấy chứng nhận kết hôn năm 2013. Đây là chứng cứ chứng minh quan hệ hôn nhân của anh H và chị M phát sinh trong thời gian Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành. Hôn nhân của anh H và chị M phù hợp quy định pháp luật được coi là vợ chồng, hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Anh H và chị M có nhiều mâu thuẫn trong mối quan hệ vợ chồng, anh chị không còn sống chung là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án đã mở phiên hòa giải nh1 chị M không có mặt để tham gia hòa giải và không có mặt để tham gia các phiên tòa xét xử. Như vậy, xác định chị M không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Anh H và chị M có hai con chung là cháu Trịnh Gia K, sinh ngày 28/10/2013 và cháu Trịnh Gia H1, sinh ngày 19/11/2016 . Hiện nay cháu K và cháu H1 đang ở với anh H. Khi ly hôn anh H đề nghị anh H nuôi một cháu, chị M nuôi một cháu. Hội đồng xét xử thấy: Do anh H là người khuyết tật nên để đảm bảo cuộc sống cho hai cháu và theo nguyện vọng của cháu K thì có nguyện vọng được ở với anh H. Do vậy, cần giao cháu K cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu H1 cho chị M chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[2.4]. Anh H, chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[2.5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh H, chị M xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Trịnh Văn H là người khuyết tật nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trịnh Văn H .**

**1.1. Về hôn nhân: Anh Trịnh Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị M**

## 1.2. Về con chung:

1.2.1 Giao con chung là cháu Trịnh Gia K, sinh ngày 28/10/2013 cho anh Trịnh Văn H nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Trịnh Gia H1, sinh ngày 19/11/2016 cho chị Nguyễn Thị M nuôi dưỡng.

1.2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

1.2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Trịnh Văn H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Trịnh Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002010 ngày 01/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

3. Về quyền kháng cáo: Anh Trịnh Văn H và chị Nguyễn Thị M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ./.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- VKSND TP. Bắc Giang,
- CCTHADS TP. Bắc Giang,
- Các đương sự,
- UBND phường Xương Giang;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đinh Thị Thu Hà**